

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 518/CV-TTYT ngày 14/8/2023 của Trung tâm Y tế huyện Lăk về việc giải trình, chỉnh sửa nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Trung tâm Y tế huyện Lăk”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 275/TTr-STNMT ngày 06/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Trung tâm Y tế huyện Lăk, địa chỉ tại số 02 Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Liên Sơn, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Trung tâm Y tế huyện Lăk” tại số 02 Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Liên Sơn, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế huyện Lăk.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 02 Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Liên Sơn, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk.

1.3. Quyết định thành lập: số 1928/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Lăk trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện đa khoa huyện, Trung tâm Y tế huyện, Trung tâm Dân số

- Kế hoạch hóa gia đình huyện Lấp.

1.4. Mã số thuế: 6000837663.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích đất của dự án là: 23.210 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 120 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế huyện Lấp.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế huyện Lấp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép. Giấy

phép này thay thế Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Bệnh viện Đa khoa huyện Lấp” số 276/STNMT-BVMT ngày 18/3/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 96/GP-STNMT ngày 06/6/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lấp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Trung tâm Y tế huyện Lấp theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Lấp;
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh (để biết);
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Trung tâm Y tế huyện Lấp;
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn thải 01: Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Nguồn thải 02: Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh.
- Nguồn số 03: Nước thải từ căng tin, nhà bếp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hồ LẮk, thuộc Tổ dân phố 3, thị trấn Liên Sơn, huyện LẮk.

Chủ cơ sở phải xây dựng hoàn thiện mương dẫn nước thải sau khi xử lý vào nguồn tiếp nhận nước thải là hồ LẮk theo đúng nội dung tại Công văn số 857/UBND-TNMT ngày 14/5/2021 của UBND huyện LẮk.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí đầu nổi tại mương thoát nước thải trên đường Chu Văn An dẫn về hồ LẮk.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X: 465948.11; Y: 1372087.20.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m³/ngày đêm, tương đương 1,25 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A, K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	60		
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	1,2		

6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	Điều 97 Nghị định 08/2022/ NĐ-CP	Điều 97 Nghị định 08/2022/ NĐ-CP
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng coliforms	MPN/ 100ml	3.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
12	Shigelle	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		

Ghi chú: Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng ngầm dọc theo các công trình và tách biệt với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh: Được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn, sau khi xử lý sơ bộ chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh: Qua song chắn rác, chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

- Nước thải căng tin, nhà bếp: Qua song chắn rác, tách dầu mỡ, chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải từ khu vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số kỹ thuật: gồm 10 bể, mỗi bể có 3 ngăn, kích thước bể 1,5m x 2,5m x 2m (7,5 m³/bể).

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải phát sinh từ hoạt động bệnh viện → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → nước thải sau khi xử lý được đầu

nối vào đường ống nhựa PVC dài 125m dẫn về mương thoát nước thải trên đường Chu Văn An chảy ra hồ Lắc.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm.
- Hóa chất sử dụng: Cloramin B.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ thay thế thiết bị để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải vận hành hiệu quả.
- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố sẽ dừng hoạt động xả thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải vào hồ sự cố để xử lý, khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào hồ Lắc.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trung tâm Y tế huyện Lắc chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

01 nguồn khí thải: khí thải phát sinh từ lò đốt rác thải y tế.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiều 3'): X= 465948.11; Y= 1372039.14.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 912 m³/h.

2.2.1. *Phương thức xả khí thải:* Xả gián đoạn (3 lần/tuần).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	115	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	Axít Clohydric (HCl)	mg/Nm ³	50		
3	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	200		
4	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	300		
5	Nitơ oxit (NO _x , tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	300		
6	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm ³	0,5		
7	Chì và hợp chất tính theo chì, Pb	mg/Nm ³	1,2		
8	Cadmi và hợp chất tính theo Cadimi, Cd	mg/Nm ³	0,16		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Hệ thống xử lý khí thải là thiết bị đồng bộ kèm theo lò đốt rác thải y tế hiệu CP-15 của Pháp, công suất 15 kg/giờ.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Rác thải y tế nguy hại → Buồng đốt sơ cấp (800 - 900⁰C) → Buồng đốt thứ cấp (1.000 - 1.100⁰C) → Thiết bị xử lý khí thải → Ống khói cao 6m.

- Hóa chất sử dụng: Ca (OH)₂.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành theo đúng quy trình hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ thay thế thiết bị để đảm bảo hệ thống xử lý khí thải vận hành hiệu quả.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống lò đốt rác thải y tế của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành lò đốt rác thải y tế.

3.4. Trung tâm Y tế huyện Lắc chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Xi, tro từ lò đốt rác thải y tế	Rắn	12 01 05	500
2	Chất thải có chứa tác nhân lây nhiễm	Rắn	13 01 01	2.639
2.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	Rắn	13 01 01	169
2.2	Chất lây nhiễm không sắc nhọn	Rắn		2.390
2.3	Chất thải giải phẫu	Rắn		80
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	50
4	Hộp mực máy in, máy photo thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	100
Tổng cộng:				3.289

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải không sử dụng tái chế	108.405
2	Rác thải sử dụng tái chế	250

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại các khoa, phòng: Bố trí các thùng nhựa có dung tích 5 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo.

- Tại khu xử lý: Bố trí các thùng nhựa có dung tích 120 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 59,3 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch ống, trát vữa, quét sơn; nền lát gạch Ceramic chống thấm; mái lợp tôn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại các khoa, phòng: Bố trí các thùng nhựa có dung tích từ 20 lít – 30 lít.
- Tại khu vực lưu giữ: Bố trí các thùng nhựa có dung tích 100 lít có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 10 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Tường xây gạch ống, trát vữa, quét sơn; nền lát gạch Ceramic chống thấm; mái lợp tôn.

3. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý chất thải nguy hại:

3.1. Lò đốt rác thải y tế

- Loại chất thải nguy hại tự xử lý: Chất thải y tế lây nhiễm.
- Khối lượng chất thải tự xử lý: 15 kg/lần; tần suất xử lý: 3 lần/tuần.
- Quy trình công nghệ tự xử lý: được nêu tại Phần B Phụ lục 2.
- Công suất thiết kế: 15 kg/giờ.

3.2. Lò hấp rác thải y tế (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm tại Văn bản số 944/STNMT-BVMT ngày 23/4/2021)

- Loại chất thải nguy hại tự xử lý: Chất thải y tế lây nhiễm.
- Khối lượng chất thải tự xử lý: 2,5 kg/lần; tần suất xử lý: 1 ngày/lần.
- Quy trình xử lý của thiết bị bao gồm: chu trình khử khuẩn, chu trình kiểm tra, chu trình làm sạch; có tích hợp cắt nhỏ.
- Công suất thiết kế: 18 kg/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại không tự xử lý tại cơ sở cho đơn vị có chức năng theo quy định.
2. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đề xuất cấp phép.
3. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của cơ sở.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải có Văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.